

Bản án số: 29/2020/DS-PT
Ngày: 26-8-2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Cường

Các thẩm phán: Ông Ngô Văn Thắng, bà Nguyễn Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X (E);** Địa chỉ: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72, Lê Thánh Tôn, phường N, quận 1, thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H – Chức vụ: Phó giám đốc E - chi nhánh N; Địa chỉ: Số 14 – 16 Trần Hưng Đạo, phường Đ, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt (văn bản ủy quyền số 542/2018/EIBQN-UQ ngày 28/12/2018).

2. **Bị đơn: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H ;** Cùng ĐKKHKT: Tổ 3, khu S, phường S, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh – vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Minh T1 và bà Phạm Thị Đ;** Cùng ĐKKHKT: Tổ 3, khu 5B, phường T, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh – vắng mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây gọi tắt là E) và vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký kết 02 (hai) hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV – 201700504 ký kết ngày 25/5/2017 cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.000.000.000 đồng; Hình thức vay: Cho vay từng lần; Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị gia đình; E đã giải ngân đủ 01 tỷ đồng cho ông T, bà H theo khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201700660 ngày 25/5/2017. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Lịch trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng. Thời hạn cho vay: 120 tháng. Tính đến ngày 20/5/2020 (Thời điểm xét xử): Ông T và bà H còn nợ Ngân hàng E tổng số tiền là 1.031.269.481 đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn: 854.900.000 đồng; Lãi trong hạn: 151.341.146 đồng; Lãi quá hạn: 17.928.336 đồng; Phạt trả trước: 7.100.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV-201800214 ký kết ngày 09/02/2018 cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 600.000.000 đồng; Hình thức vay: Cho vay từng lần; Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị gia đình. E đã giải ngân cho ông T và bà H theo các khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201800274 ngày 09/02/2018 với số tiền 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10%/năm; Lịch trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng; Khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201800284 ngày 10/02/2018 với số tiền 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10%/năm; Lịch trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng. Tính đến ngày 31/8/2019, ông T và bà H đã trả cho E theo Hợp đồng tín dụng trên tổng số tiền 82.656.213 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 40.000.000 đồng, nợ lãi 42.656.213 đồng, ông T và bà H còn nợ cả gốc và lãi: 613.153.250 đồng. Tính đến ngày 20/5/2020 (Thời điểm xét xử): Ông T và bà H còn nợ E tổng số tiền là 667.741.537 đồng. Trong đó: Nợ gốc quá hạn: 560.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 107.741.537 đồng bao gồm: Lãi trong hạn: 96.714.750 đồng, lãi quá hạn: 11.026.787 đồng.

Ngân hàng E yêu cầu buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả một lần tổng số tiền trong 02 Hợp đồng tín dụng đã nêu là: 1.699.011.019 đồng.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 1900- LAV-201700504 là: Quyền sử dụng 125,4m² đất và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà một tầng (có tum) tại tổ 3, khu 5B, phường T, thành phố P.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 1900- LAV-201800214 là: Quyền sử dụng 69,4 m² đất và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 tại tổ 7, khu 2, phường Ô, thành phố P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo đúng nội dung của 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quan điểm của Ngân hàng E: Ngân hàng E yêu cầu buộc ông Phạm Văn T

và bà Nguyễn Thị H phải trả một lần tổng số tiền trong 02 Hợp đồng tín dụng đã nêu là: 1.699.011.019 đồng (Một tỷ, sáu trăm chín chín triệu, không trăm mười một nghìn, không trăm mười chín đồng) tính đến thời điểm xét xử 20/5/2020; Buộc ông T và bà H tiếp tục phải chịu số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 20/5/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ cho E; Trường hợp ông T và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng E có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện E yêu cầu Tòa án chấm dứt 02 Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV – 201700504 ký kết ngày 25/5/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV-201800214 ký kết ngày 09/02/2018 và duy trì 02 Hợp đồng thế chấp tài sản số 0041/EIBCP-TDCN/TC/2017 ngày 24/5/2017 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0019/EIBCP-TDCN/TC/2087 ngày 09/02/2018 để đảm bảo Thi hành án.

Bị đơn và người liên quan đã được Tòa án thông báo nội dung vụ kiện, triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P quyết định:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X (E) đối với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H.

[2] Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả một lần toàn bộ số tiền cả gốc và lãi là 1.699.011.019 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu, không trăm mười một nghìn, không trăm mười chín đồng), trong đó có 1.414.900.000đ (một tỷ bốn trăm mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền gốc và 248.055.896đ (hai trăm bốn tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm chín sáu đồng) tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 28.955.123 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai ba đồng), phí phạt trả nợ trước hạn là 7.100.000 đ (bảy triệu một trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần X (E).

[3] Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi kể từ ngày 21/5/2020 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng trong 02 hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV – 201700504 ký kết ngày 25/5/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV-201800214 ký kết ngày 09/02/2018.

Ngoài ra Tòa án còn quyết định về xử lý tài sản thế chấp, án phí, việc thi hành án, thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 25/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành kháng nghị số 25 với nội dung:

Thứ nhất: Tại phiên tòa, ngân hàng bổ sung yêu cầu khởi kiện: Chấm dứt hai hợp đồng tín dụng nêu trên và buộc nguyên đơn phải chịu nghĩa vụ phạt trả trước đối với Hợp đồng số 1900-LAV-201700504 số tiền 7.100.000 đồng và duy trì 02

hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án. Bản án sơ thẩm đã nhận định có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên tại phần quyết định, bản án không tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng và áp dụng Điều 422 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng là thiếu sót.

Thứ hai: Bản án chấp nhận yêu cầu đối với khoản phạt phí trả nợ trước hạn 7.100.000 đồng là không phù hợp với nội dung các đương sự thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201700504. Theo đó, bên vay chỉ chịu khoản tiền phạt này khi họ có đề nghị được trả nợ trước hạn và ngân hàng không chấp nhận. Trường hợp này, ngân hàng là bên chủ động yêu cầu bên vay trả nợ toàn bộ do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bên vay không đề nghị trả nợ trước hạn.

Thứ ba: Bản án ấn định nghĩa vụ đương sự chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất ngân hàng trong 02 hợp đồng tín dụng *đối với khoản nợ gốc* là chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, mức lãi suất chậm thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm được xem xét trên số tiền *còn phải thi hành án* bao gồm các khoản tiền gốc, lãi...

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quan điểm của Ngân hàng cũng nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và người liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đã yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với ông T bà H là thiếu sót.

Ngân hàng yêu cầu ông T bà H phải chịu phí phạt trả nợ trước hạn là 7.100.000 đồng. Tòa án đã chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng là không đúng với thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, vì trong vụ việc này ông T, bà H không phải là người trả nợ trước hạn (thậm chí họ còn không có tiền trả đúng hạn nên mới bị kiện), nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại nội dung này, không buộc ông T bà H phải trả cho Ngân hàng 7.100.000 đồng tiền phí phạt trả nợ trước hạn.

Bản án sơ thẩm ấn định nghĩa vụ đương sự chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất ngân hàng trong 02 hợp đồng tín dụng *đối với khoản nợ gốc* là chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao.

Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm.

Còn các nội dung khác không ai kháng cáo, kháng nghị nên Tòa phúc thẩm không xem xét.

[2] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí thì các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 317, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X (E) đối với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H.

[2] Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV – 201700504 ký kết ngày 25/5/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV-201800214 ký kết ngày 09/02/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X (E) với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả một lần toàn bộ số tiền cả gốc và lãi là 1.691.911.019 đồng (*một tỷ sáu trăm chín mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, không trăm mười chín đồng*) cho Ngân hàng thương mại cổ phần X (E). Trong đó có 1.414.900.000đ (*một tỷ bốn trăm mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng*) tiền gốc và 248.055.896đ (*hai trăm bốn tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm chín sáu đồng*) tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 28.955.123 đồng (*hai mươi tám triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm hai ba đồng*).

[3] Kể từ ngày 21/5/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV – 201700504 ký kết ngày 25/5/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1900 – LAV-201800214 ký kết ngày 09/02/2018.

[4] Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần X (E) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả hết số tiền nợ trên thì

Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0041/EIBCP-TDCN/TC/2017 ngày 24/5/2017 giữa bên thế chấp là ông Hoàng Minh T1 và bà Phạm Thị Đ, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần X và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0019/EIBCP-TDCN/TC/2087 ngày 09/02/2018 giữa bên thế chấp là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần X để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng E số tiền 29.244.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004795 ngày 17/9/2019 tại Chi cục Thi hành án thành phố P.

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới nộp 62.757.330 đồng (sáu mươi hai triệu, bảy trăm năm bảy nghìn, ba trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND, THA tp. P;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quang Cường